

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Nghĩa

Ông Nguyễn Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93A/2021/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 19/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng T, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Nhà số R Khóm A, Phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh Nguyễn C, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện cũng như nguyên đơn chị Đặng T trình bày tại phiên tòa:*

Vào năm 2007 chị Đặng T và anh Nguyễn C được gia đình tổ chức đám cưới về sống chung với nhau. Đến ngày 09/6/2008 vợ chồng chị đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là phường O, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng chị có hai con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 14/5/2008 và Nguyễn V, sinh ngày 20/3/2012, hiện nay đang sống chung với chị. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau này chị và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, anh C không lo lắng cho gia đình, còn ham chơi, vợ chồng chị đã ly thân với nhau gần 01 năm nay, sau khi ly thân thì cuộc sống giữa chị và anh C không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy có cuộc sống riêng của mình. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị không có ai biết. Qua thời gian ly thân thì chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh C. Nay chị T quyết định yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn C.

Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi hai con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 14/5/2008 và Nguyễn V, sinh ngày 20/3/2012. Chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Tại biên bản hòa giải lập ngày 25/6/2021 bị đơn anh Nguyễn C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình của chị Đặng T về quan hệ hôn nhân, con chung. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn hết, chỉ là cãi vã trong gia đình. Nay chị Đặng T yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn với chị T, lý do là anh còn thương vợ, không muốn gia đình tan rã.

Về con chung: Trường hợp Tòa án có giải quyết cho anh và chị T ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi hai con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 14/5/2008 và Nguyễn V, sinh ngày 20/3/2012. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn không có mặt cũng không có yêu cầu xin vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng T, cho chị Đặng T được ly hôn với anh Nguyễn C. Về con chung giao cháu N và cháu V cho chị T nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng do chị T không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn C vắng mặt không rõ lý do, nhận thấy anh C cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tại Tòa nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007 chị Đặng T và anh Nguyễn C được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 09/6/2008, chị T và anh C là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là Phường O), thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn cùng ngày. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng của anh chị, chị T cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, anh C không chăm lo cho gia đình nên chị và anh C đã ly thân với nhau từ hơn một năm nay và chị T nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc, qua thời gian ly thân chị nhận thấy không còn tình cảm với anh C, chị quyết định xin ly hôn với anh C. Còn anh C cho rằng vợ chồng anh có những phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, chỉ là cãi vã trong gia đình, anh không muốn gia đình tan rã nên anh không đồng ý ly hôn với chị T, anh muốn hàn gắn lại với chị T. Xét thấy, sau khi nhận được đơn khởi kiện của chị T thì Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C nhưng tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quyết định yêu cầu được ly hôn với anh C, không đồng ý hàn gắn với anh C. Hội đồng xét xử nhận thấy nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau chăm lo cho, vun đắp cho gia đình, cùng nhau chăm lo cho các con. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh C đã phát sinh nhiều vấn đề, anh C muốn hàn gắn gia đình nhưng anh không đến tham gia phiên tòa để Hội đồng xét xử động viên hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T, chị T và anh C không còn sự quan tâm dành cho nhau, không còn cùng nhau vun đắp, xây dựng nên gia đình đầm ấm, hạnh phúc thể hiện anh chị đã ly thân với nhau hơn một năm nay nhưng đến thời điểm này anh chị vẫn còn sống ly thân, không thể giải quyết được mâu thuẫn để có thể về chung sống trong một gia đình, cùng hướng về một phía để chăm lo cho các con, cho các con một gia đình đầm ấm như bao gia đình khác, tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể khắc phục. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Chị Đặng T và anh Nguyễn C có hai con chung là cháu

Nguyễn N, sinh ngày 14/5/2008 và cháu Nguyễn V, sinh ngày 20/3/2012. Chị T và anh C đều có nguyện vọng được nuôi hai con nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn với nhau. Cháu N hiện nay đã hơn 13 tuổi và cháu V hiện nay đã hơn 09 tuổi. Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Theo biên bản ghi ý kiến của hai cháu N và V lập ngày 25/6/2021 với sự chứng kiến của người giám hộ là chị Đặng T thì hai cháu xác định hiện nay đang ở chung với mẹ vẫn được đi học và có nguyện vọng muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn với nhau vì không muốn thay đổi điều kiện sống. Xét thấy, hiện nay cháu N và cháu V đang được mẹ ruột là chị Đặng T nuôi dưỡng, nguyện vọng của hai cháu N và V cũng muốn sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, chị T cũng đủ khả năng để tự nuôi con thể hiện qua khoảng thời gian ly thân hơn một năm nay thì chị T vẫn một mình nuôi hai cháu N và V, khi hai cháu sống cùng với chị T thì chị T vẫn cho hai cháu ăn học đầy đủ. Hai cháu là con gái, từ khi cha mẹ ly thân với nhau thì hai cháu đã sống cùng với mẹ, để đảm bảo môi trường sống của hai cháu được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T, quyết định giao hai cháu N và V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh C không ai được quyền ngăn cản anh C thực hiện hợp pháp quyền này. Do yêu cầu nuôi con của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên yêu cầu nuôi con chung của anh C không được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: tại mục [3] Hội đồng xét xử chấp cho chị T được nuôi hai con chung nhưng chị T không có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đặng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng T được ly hôn với anh Nguyễn C.

2/ Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn N, sinh ngày 14/5/2008 và Nguyễn V, sinh ngày 20/3/2012 cho chị Đặng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn C, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Đặng T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: chị Đặng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007786 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Anh Nguyễn C không phải chịu án phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường O, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng